

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG CỐNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2017/HSST

Ngày: 24/8/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Tiến

Ông Lê Đức Thuận

Thư ký phiên tòa: Bà Doãn Phương Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống tham gia phiên tòa:

Ông Lê Đức Thảo - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống xét xử sơ thẩm vụ án Hình sự thụ lý số 26/2017/HSST ngày 28 tháng 6 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Trần Văn H, sinh năm 1970; sinh tại: Thôn X, xã T; trú tại: Thôn A, xã T, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa lớp 7; con ông: Trần Văn C (là thương binh) và bà: Bùi Thị H; có vợ là Nguyễn Thị H1 và 2 con lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 1999; không tiền án, tiền sự; bị bắt tạm giữ 6 ngày, từ 03/4/2017 đến ngày 09/4/2017; có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Ngọc T, sinh năm 1974; sinh tại: Thôn X, xã T; trú tại: Thôn A, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa lớp 8; con ông: Lê Ngọc C và bà: Bùi Thị L; có vợ là Lê Thị H và 2 con, lớn nhất sinh năm 1996, nhỏ nhất sinh năm 2000; không tiền án, tiền sự; bị bắt tạm giữ 6 ngày, từ 03/4/2017 đến ngày 09/4/2017; có mặt tại phiên tòa.

3. Bùi Đình Ngọc, sinh năm 1971; sinh và trú tại: Thôn 3, xã Tế Tân, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa lớp 11; con ông: Bùi Đình C và bà: Đỗ Thị C1; có vợ là Đỗ Thị H và 1 con sinh năm 1998; không tiền án, tiền sự; bị bắt tạm giữ 6 ngày, từ 03/4/2017 đến ngày 09/4/2017; có mặt tại phiên tòa.

4. Lê Huy S, sinh năm 1977; sinh và trú tại: Thôn A, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa lớp 9; con ông: Lê Đình G (thương binh) và bà: Đỗ Thị M; có vợ là Lê Thị P và 2 con, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2004; không tiền án, tiền sự; bị bắt tạm giữ 6 ngày, từ 03/4/2017 đến ngày 09/4/2017; có mặt tại phiên tòa.

5. Nguyễn Minh H1, sinh năm 1971; sinh và trú tại: Thôn A, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa lớp 7; con ông: Nguyễn Minh T (có Huân chương kháng chiến); con bà: Lê Thị K; có vợ là Nguyễn Thị T và 2 con, lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 2002; không tiền án, tiền sự; bị bắt tạm giữ 6 ngày, từ 03/4/2017 đến ngày 09/4/2017; có mặt tại phiên tòa.

6. Đỗ Văn V, sinh năm 1954 (là thương binh); sinh tại: Thôn A, xã T; trú tại: Thôn X, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa lớp 8; con ông: Đỗ Văn S; con bà: Lê Thị N; có vợ là Lê Thị T và 3 con, lớn nhất sinh năm 1982, nhỏ nhất sinh năm 1989; không tiền án, tiền sự; bị bắt tạm giữ 6 ngày, từ 03/4/2017 đến ngày 09/4/2017; có mặt tại phiên tòa.

7. Lê Văn N1, sinh năm 1970; sinh và trú tại: Thôn A, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa lớp 12; con ông: Lê Văn D (có Huân chương kháng chiến) và bà: Vũ Thị N; có vợ là Đỗ Thị T và 3 con, lớn nhất sinh năm 1996, nhỏ nhất sinh năm 2005; không tiền án, tiền sự; bị bắt tạm giữ 6 ngày, từ 03/4/2017 đến ngày 09/4/2017; có mặt tại phiên tòa.

8. Bùi Đình H2, sinh năm 1966; sinh và trú tại: Thôn A, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam (đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng); nghề nghiệp: Công chức xã T; trình độ văn hóa lớp 12; con ông: Bùi Đình Đ và bà: Bùi Thị N; có vợ là Nguyễn Thị N1 và 2 con lớn nhất sinh năm 1991, nhỏ nhất sinh năm 1992; không tiền án, tiền sự; bị bắt tạm giữ 6 ngày, từ 03/4/2017 đến ngày 09/4/2017; có mặt tại phiên tòa.

9. Nguyễn Văn N2, sinh năm 1977; sinh và trú tại: Thôn A, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam (đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng); nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa lớp 12; con ông: Nguyễn Anh C và bà: Nguyễn Thị H (có Huy chương kháng chiến) có vợ là Nguyễn Thị H1 và 2con sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2013; không tiền án, tiền sự; bị bắt tạm giữ 6 ngày, từ 03/4/2017 đến ngày 09/4/2017; có mặt tại phiên tòa.

10. Nguyễn Văn H3, sinh năm 1964 (là bệnh binh); sinh và trú tại: Thôn A, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam (đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng); nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa lớp 10; con ông: Nguyễn Văn L và bà: Bùi Thị L1; có vợ là Lê Thị X và 2con sinh năm 1989, nhỏ nhất sinh năm 1990; không tiền án, tiền sự; bị bắt tạm giữ 6 ngày, từ 03/4/2017 đến ngày 09/4/2017; có mặt tại phiên tòa.

NHẬN THẤY:

Các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào khoảng 23 giờ ngày 03/4/2017 tổ tuần tra thuộc Công an huyện Nông Cống đang tuần tra kiểm soát tại khu vực xã T, huyện N thì nhận được tin báo của quần chúng nhân cho biết tại nhà Nguyễn Minh H1 thuộc thôn A xã T, huyện N có một số đối tượng đang đánh bạc. Sau khi nhận được tin báo, tổ công tác đã tiến hành xác minh tại nhà Nguyễn Minh H1 có 9 đối tượng đang đánh bạc gồm: Lê Ngọc T, Lê Huy S, Bùi Đình N, Trần Văn H, Đỗ Văn V, Lê Văn N1, Bùi Đình H2, Nguyễn Văn N2, Nguyễn Văn H3. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ tại chiếu bạc 6.700.000đ, 01 bộ bài tú lơ khơ 52 cây, 02 chiếu cói màu nâu. Các đối tượng đã được đưa về Cơ quan CSĐT Công an huyện Nông Cống để điều tra.

Quá trình điều tra các đối tượng khai nhận :

Khoảng 22 giờ ngày 03/4/2017 sau khi lên đình làng xem văn nghệ, trên đường về T và S đến nhà H để chơi. Đến nơi thấy có H, N đang ở đó. H rủ mọi người chơi bài ăn tiền, mọi người có mặt đồng ý. Do H có việc nên đi ra ngoài, còn T về nhà lấy bộ bài tú lơ khơ đến nhà H1 và trả chiếu xuống nền nhà đánh bạc, hình thức đánh liêng, đóng luống 10.000đ và cao nhất là 100.000đ, được một lúc sau có V, N1 cùng ở thôn 3 xã Tế Tân đến xin chơi. Quá trình chơi T vay của H1

500.000đ. Khi H quay về nhà H1 thì H2, N2, H3 cũng lần lượt đến thấy mọi người đang chơi cũng xin vào chơi. Lê Anh T ở thôn 3 đến ngồi xem. H2 đánh được 4 ván hết tiền nên ngồi xem; còn lại T, S, N, H, V, N1, N2, H3 tiếp tục đánh liêng. Cụ thể: Sử dụng bộ bài tứ lơ khơ 52 cây chia đều mỗi người 3 cây, trước khi chia bài mỗi người bỏ ra giữa chiếu 10.000đ gọi là tiền đóng luống. Sau khi chia bài xong mọi người cầm lên tính điểm, ai cao điểm nhất được ăn cả, nếu trong một ván bài có 2 người bằng điểm nhau gọi là “chào”, ai muốn tiếp tục chơi thì bỏ tiền vào trong luống, rồi chia lại ván khác, phần bài của ai người đó cầm lên tính điểm, nếu ai cao điểm nhất thì được ăn tiền cả dưới luống. Các đối tượng đánh đến 23 giờ ngày 03/4/2017 thì bị tổ tuần tra Công an huyện Nông Cống phát hiện và bắt quả tang.

Đối với Nguyễn Minh H1 là chủ nhà không tham gia đánh bạc nhưng đã đồng ý cho các đối tượng đánh bạc tại nhà mình và cho T vay 500.000đ, vì vậy H phạm tội đánh bạc với vai trò giúp sức.

Quá trình điều tra, các bị cáo khai nhận số tiền từng người mang đi đánh bạc như sau: T 1.300.000đ (trong đó T có 800.000đ, vay thêm của H1 500.000đ), S 510.000đ, N1 1.290.000đ, V 840.000đ, H 700.000đ, H3 800.000đ, N 460.000đ, H2 100.000đ, N2 700.000đ. Tổng số tiền các bị cáo dùng vào mục đích đánh bạc là 6.700.000đ (sáu triệu bảy trăm ngàn đồng).

Vật chứng thu giữ gồm: Tiền ngân hàng Nhà Nước Việt Nam 6.700.000đ, 01 bộ bài tứ lơ khơ 52 cây, 02 chiếu cói đã cũ. Hiện tại các vật chứng nêu trên đã được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống (sau đây viết tắt là CCTHADS huyện Nông Cống) ngày 07/6/2017.

Tại bản cáo trạng số 29/CTr - VKS ngày 26/6/2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống (sau đây viết tắt là VKSND huyện Nông Cống) truy tố các bị cáo Lê Ngọc T, Lê Huy S, Bùi Đình N, Trần Đình H, Đỗ Văn V, Lê Văn N1, Bùi Đình H2, Nguyễn Văn N2, Nguyễn Văn H3, Nguyễn Minh H1 về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự (sau đây viết tắt là BLHS).

Tại phiên tòa: Bị cáo H khai sau khi uống rượu tại nhà mình xong, H đã đến nhà bị cáo H1 chơi và gọi điện cho N rủ đến nhà H1 đánh bạc. Khi đó bị cáo H1 không có nhà chỉ có bà cố ở nhà. Bị cáo H1 và các bị cáo T, N, H, S đều khai: Nhà bị cáo H1 gần trung tâm thôn, anh em tập chung tại nhà bị cáo H1 để đưa đón vợ đi biểu diễn văn nghệ rồi rủ nhau đánh bài, lúc đó H1 không có nhà. Khi H1 về đến

sân T hỏi vay 500.000đ, vào nhà thấy mọi người đánh bạc H1 bảo “thôi đi” rồi H1 lại đi lai vợ về. Lúc về đến nhà thấy Công an đến bắt các đối tượng đánh bạc. Các bị cáo khác cũng đều nhận tội, hứa sửa chữa, không tái phạm, xin Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) giảm nhẹ hình phạt.

- Kiểm sát viên luận tội giữ nguyên quyết định truy tố và đề xuất như sau:

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 46 (khoản 2 Điều 46 áp dụng đối với bị cáo H); Điều 31; Điều 53 BLHS: Đề xuất mức hình phạt đối với bị cáo H và bị cáo T từ 9 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ; khấu trừ thu nhập từ 15% đến 20% trên mức thu nhập bình quân tại xã là 50.000đ/người/ngày.

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 46 (khoản 2 Điều 46 áp dụng đối với bị cáo S, bị cáo H1); Điều 30; Điều 53 BLHS: Đề xuất mức hình phạt đối với bị cáo N từ 7 triệu đến 8 triệu; bị cáo S và bị cáo H1 mỗi bị cáo từ 6 triệu đồng đến 7 triệu đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 46 (khoản 2 Điều 46 áp dụng đối với các bị cáo V, H3, N1, N2); Điều 30; Điều 53 BLHS: Đề xuất mức hình phạt đối với các bị cáo V, N1, H2, N2, H3 mỗi bị cáo từ 5 triệu đồng đến 6 triệu đồng.

Về vật chứng: Đề nghị tịch thu, sung quỹ Nhà nước 6.700.000đ; tịch thu, tiêu hủy dụng cụ đánh bạc.

Về án phí: Đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm (sau đây viết tắt là HSST) cho bị cáo V và bị cáo H3, các bị cáo còn lại mỗi người phải chịu 200.000đ án phí HSST.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo;

XÉT THẤY:

Lời khai các bị cáo tại phiên tòa phù hợp các tài liệu trong hồ sơ vụ án, gồm: Lời khai các bị cáo quá trình điều tra, lời khai người làm chứng Lê Anh T, biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 23 giờ 30 phút ngày 03/4/2017 cùng vật chứng là 01 bộ bài tú lơ khơ, 6.700.000đ và 2 chiếc chiếu cói. Như vậy, đã chứng minh vào tối 03/4/2017 tại nhà Nguyễn Minh H1 ở thôn 3, xã Tế Tân, huyện Nông

Cổng, tỉnh Thanh Hóa có 9 đối tượng đánh bài đã chứng minh có 9 đối tượng đánh bài hình thức đánh “liêng” được thua bằng tiền với số lượng tiền thu được 6.700.000đ không được cơ quan có thẩm quyền cấp phép là hành vi đánh bạc trái phép. Dù cơ sở kết luận các bị cáo Lê Ngọc T, Lê Huy S, Bùi Đình N, Trần Văn H, Đỗ Văn V, Lê Văn N1, Bùi Đình H2, Nguyễn Văn N2, Nguyễn Văn H3 phạm tội “Đánh bạc”. Với số người, số tiền đánh bạc nêu trên thuộc định lượng quy định tại khoản 1 Điều 248 BLHS. Cáo trạng của VKSND huyện Nông Cống truy tố các bị cáo đúng tội danh và điều, khoản BLHS. Đối với bị cáo Nguyễn Minh H1 không thực hành đánh bạc song cho các đối tượng đánh bạc tại nhà của mình, hành vi không cấu thành tội phạm độc lập tội “Tổ chức đánh bạc” nên xác định là người đồng phạm giúp sức.

Đánh giá tính chất vụ án, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội như sau: Các đối tượng là người trong cùng xã quen biết nhau, nhân sự kiện địa phương tổ chức liên hoan văn nghệ dịp khánh thành đình Tam Giang thờ vua bà họ đi xem rồi gặp nhau. Nhà bị cáo H1 gần trung tâm xã Tế Tân, là nơi đội văn nghệ tập trước khi ra đình biểu diễn và là nơi chờ đón trở về. Ngoài bị cáo N được bị cáo H gọi đến còn những bị cáo khác đều tự đến nhà bị cáo H1 và rủ nhau đánh bạc. Số tiền mỗi bị cáo dùng đánh bạc không lớn nhưng do đông người đánh nên tổng số tiền đánh bạc cũng tới 6.700.000đ. Các đối tượng đánh bạc hầu hết là nông dân (trừ bị cáo H2), thu nhập không cao. Vì vậy, số tiền dùng đánh bạc đó cũng ảnh hưởng đời sống kinh tế gia đình. Hoạt động này không đem lại lợi ích gì cho xã hội mà còn xâm phạm nếp sống văn minh lành mạnh, xâm phạm trật tự công cộng, làm mất trật tự trị an. Chính việc đánh bạc là tệ nạn xã hội; hơn nữa, từ đó dễ dẫn tới hành vi vi phạm pháp luật khác. Giai đoạn hiện nay, đánh bạc dưới nhiều hình thức đang diễn ra ở nhiều nơi với mọi đối tượng, nhất là thanh thiếu niên. Nếu thắng thì họ ăn chơi phung phí, nếu thua thì dễ nảy sinh tiêu cực cho bản thân, gia đình và xã hội. Vì vậy, cần xử lý nghiêm để trừng trị, giáo dục các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Đánh giá tính chất đồng phạm là hình thức đồng phạm giản đơn. Các bị cáo do cùng đi hội đình mà gặp nhau rồi bột phát rủ nhau đánh bạc.

Xét vai trò: Tốp có mặt từ đầu gồm: H là người khởi xướng vai trò thứ nhất, bị cáo T là người thực hành tích cực, trực tiếp đi mua bài và trải chiếu vai trò thứ

hai. Tiếp theo là N và S vai trò thứ ba. Tốp đến sau đó 5 bị cáo gồm: V, N1, N2i, H2, H3 vai trò thứ tư.

Bị cáo H1 không có mặt ở nhà khi các bị cáo đến chơi và đánh bạc nhưng khi trở về nhà đã thấy các đối tượng đang đánh bạc vẫn để cho đánh là người giúp sức. Tuy nhiên H1 không thu tiền hồ và việc cho bị cáo T vay 500.000đ không có tính chất tín dụng, không vì lợi nhuận nên vai trò tương đương tốp thứ 4.

Xét các tình tiết khác: Về tình tiết tăng nặng: Tất cả các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo đều có chung tình tiết phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại các điểm h, p khoản 1 Điều 46. Ngoài ra đối với 7 bị cáo gồm: H, H1, S, Nga, N2i là gia đình chính sách (có bố, mẹ là người có công với cách mạng); bị cáo V là thương binh và bị cáo Hào là bệnh binh còn được áp dụng khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999 cũng là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015. Vì vậy, áp dụng Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017; khoản 3 Điều 7 BLHS năm 2015 để áp dụng điểm x khoản 1 Điều 51 xem xét giảm nhẹ hình phạt cho 7 bị cáo nêu trên.

Về nhân thân: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, có nghề nghiệp và nơi cư trú ổn định, rõ ràng.

Trên cơ sở đánh giá tính chất vụ án, vai trò đồng phạm, các tình tiết giảm nhẹ của từng bị cáo, xét thấy cần phân hóa hình phạt như sau:

Đối với các bị cáo H, T cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ và khấu trừ thu nhập 20% trên mức thu nhập hàng tháng theo chính quyền xã xác nhận lao động phổ thông 50.000đ/ngày (1.500.000đ/tháng) x 20% = 300.000đ trong thời gian cải tạo không giam giữ là phù hợp. Thời gian tạm giữ 6 ngày được quy đổi = 18 ngày cải tạo không giam giữ để trừ vào hình phạt cho các bị cáo.

Các bị cáo còn lại áp dụng hình phạt tiền là thích hợp.

Về vật chứng: Đối với số tiền đánh bạc phải tịch thu, sung quỹ Nhà nước. Đối với dụng cụ đánh bạc không còn giá trị nên tịch thu, tiêu hủy.

Về án phí: Các bị cáo bị kết án không thuộc diện miễn nộp án phí nên phải chịu án phí HSST, đối với bị cáo V là thương binh, bị cáo H3 là bệnh binh (người có công với cách mạng) nên được miễn tiền án phí HSST.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Văn H, Lê Ngọc T, Bùi Đình N, Lê Huy S, Nguyễn Minh H1, Đỗ Văn V, Lê Văn N1, Bùi Đình H2, Nguyễn Văn N2, Nguyễn Văn H3, phạm tội “Đánh bạc”

1. Áp dụng: Khoản 1 Điều 248; Điều 53; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 31 BLHS năm 1999; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7; điểm x khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015:

Xử phạt bị cáo Trần Văn H 12 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 6 ngày tạm giữ = 18 ngày cải tạo không giam giữ.

2. Áp dụng: Khoản 1 Điều 248 Điều 53; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 31 BLHS:

Xử phạt bị cáo Lê Ngọc T 12 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 6 ngày tạm giữ = 18 ngày cải tạo không giam giữ.

Thời gian cải tạo không giam giữ các bị cáo tính từ ngày chính quyền địa phương nơi thường trú nhận được Quyết định thi hành án.

Giao những người bị kết án cho Ủy ban nhân dân xã Tê Tân, huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Khấu trừ thu nhập mỗi bị cáo (Hảo, Tung) 300.000đ/tháng x 12 tháng = 3.600.000đ.

3. Áp dụng: Khoản 1 Điều 248 Điều 53; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 30 BLHS năm 1999:

Xử phạt: - Bị cáo Bùi Đình N 7.000.000đ.

- Bị cáo Bùi Đình H2 6.000.000đ.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 248 Điều 53; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 30 BLHS năm 1999; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7; điểm x khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015:

Xử phạt: - Bị cáo Lê Huy S 6.000.000đ

- Bị cáo Nguyễn Minh H1 6.000.000đ.

- Bị cáo Đỗ Văn V 5.000.000đ

- Bị cáo Nguyễn Văn N2 5.000.000đ.

- Bị cáo Lê Văn Nga 5.000.000đ.

- Bị cáo Nguyễn Văn H3 5.000.000đ.

Các bị cáo phải nộp tiền phạt một lần.

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, nếu người phải thi hành án không nộp đủ số tiền thì hàng tháng phải chịu thêm khoản tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu, sung quỹ Nhà nước số tiền 6.700.000đ; tịch thu, tiêu hủy 2 chiếc chiếu cói, 01 bộ bài tú lơ lơ khơ 52 cây (đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/6/2017 giữa Công an huyện Nông Cống và Chi cục THADS huyện Nông Cống)

Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; điểm 1 khoản 1 mục A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326:

Buộc Trần Văn H, Lê Ngọc T, Lê Huy S, Bùi Đình N, Nguyễn Văn N2, Lê Văn N1, Bùi Đình H2, Nguyễn Minh H1 mỗi người phải nộp 200.000đ tiền án phí HSST; miễn án phí HSST cho các bị cáo: Đỗ Văn V, Nguyễn Văn H3.

Án xử công khai có mặt đủ 10 bị cáo. Các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:
THẨM**

- Bị cáo;
- VKS huyện Nông Cống;
- Công an huyện Nông Cống;
- TAND Tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- Sở tư pháp Thanh Hóa;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SO

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Thị Huệ